

Số: 174/2016/BCKT-BCTCTH/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2015 của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI, được lập ngày 15/03/2016, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Đình Văn Thắng**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 16/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.***Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016*

Nguyễn Thị Mai Hoa**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2015-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	MS	TM	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		558.500.014.519	486.111.048.388
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	78.453.202.474	63.030.685.584
1. Tiền	111		68.453.202.474	53.030.685.584
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		251.031.938.402	199.858.664.206
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	177.544.161.798	139.536.583.096
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.806.705.065	5.755.243.366
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	66.681.071.539	54.566.837.744
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		208.149.003.494	207.733.253.988
1. Hàng tồn kho	141	5.5	209.177.173.450	207.733.253.988
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.028.169.956)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.865.870.149	15.488.444.610
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	15.900.374.710	14.797.532.106
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	4.965.495.439	690.912.504
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		257.814.093.943	260.979.097.850
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.969.042.509	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.2	16.373.670.374	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.4	(14.404.627.865)	-
II. Tài sản cố định	220		87.449.707.243	76.642.889.630
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	85.133.661.950	76.642.889.630
- Nguyên giá	222		319.197.990.987	288.707.685.533
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(234.064.329.037)	(212.064.795.903)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.8	2.316.045.293	-
- Nguyên giá	225		2.646.908.909	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(330.863.616)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.748.763.636	20.495.162.620
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	1.748.763.636	20.495.162.620
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		159.253.337.143	159.253.337.143
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.10	159.253.337.143	159.253.337.143
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.393.243.412	4.587.708.457
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	7.393.243.412	4.587.708.457
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		816.314.108.462	747.090.146.238

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	MS	TM	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		489.809.900.928	429.954.506.835
I. Nợ ngắn hạn	310		472.081.098.502	400.540.252.016
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	69.734.855.752	48.000.041.803
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		51.280.254.780	11.404.379.472
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	4.175.897.462	4.536.002.077
4. Phải trả người lao động	314		11.935.279.636	11.333.158.697
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	1.398.216.158	177.619.940
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	8.485.589.386
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	42.931.808.129	32.776.402.414
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	276.956.496.459	271.674.010.750
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		745.674.850	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		12.922.615.276	12.153.047.477
II. Nợ dài hạn	330		17.728.802.426	29.414.254.819
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	17.728.802.426	29.414.254.819
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		326.504.207.534	317.135.639.403
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	326.504.207.534	317.135.639.403
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		310.000.000.000	310.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		310.000.000.000	310.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.664.720.545	6.296.152.414
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		839.486.989	839.486.989
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		816.314.108.462	747.090.146.238

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Người lập



Nguyễn Thanh Phúc

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lệ

Tổng Giám đốc




Nguyễn Mạnh Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động từ 11/4/2014 đến 31/12/2014	
			Năm 2015 VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	1.071.058.057.562	753.985.369.514
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.18	822.329.058	1.151.777.206
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		1.070.235.728.504	752.833.592.308
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	966.501.136.762	687.979.978.449
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		103.734.591.742	64.853.613.859
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	62.491.931.815	37.879.215.249
7. Chi phí tài chính	22	5.21	20.235.498.926	13.778.534.491
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.382.869.090	13.387.682.204
8. Chi phí bán hàng	25	5.22	22.652.505.316	11.109.156.144
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.22	59.309.164.932	33.963.007.074
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		64.029.354.383	43.882.131.399
11. Thu nhập khác	31	5.23	613.035.264	25.770.835
12. Chi phí khác	32	5.23	521.917.690	13.732.200
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.23	91.117.574	12.038.635
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		64.120.471.957	43.894.170.034
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	840.354.408	1.885.484.630
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		63.280.117.549	42.008.685.404
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.26	1.705	1.355

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Người lập



Nguyễn Thanh Phúc

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lệ

Tổng Giám đốc



Nguyễn Mạnh Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	MS	Kỳ hoạt động từ 11/4/2014 đến 31/12/2014	
		Năm 2015 VND	VND
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.115.237.711.868	763.153.180.611
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(928.562.860.022)	(612.371.466.111)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(72.278.886.911)	(45.801.752.820)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(15.382.869.090)	(13.387.682.204)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(3.508.493.977)	(1.566.282.156)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	28.107.334.427	65.931.818.926
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(101.458.707.880)	(92.673.096.978)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	22.153.228.415	63.284.719.268
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(11.840.237.657)	(17.662.130.274)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	45.447.449.604	40.185.611.760
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	33.607.211.947	22.523.481.486
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	756.851.884.417	546.738.567.532
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(762.295.195.101)	(535.314.647.820)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(959.656.000)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(38.385.589.386)	(34.158.611.760)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(44.788.556.070)	(22.734.692.048)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	10.971.884.292	63.073.508.706
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	63.030.685.584	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	4.450.632.598	(42.823.122)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	78.453.202.474	63.030.685.584

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Người lập



Nguyễn Thanh Phúc

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lệ

Tổng Giám đốc



Nguyễn Mạnh Hà

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cơ khí Đông Anh, được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 1038/QĐ-BXD ngày 16/10/2013 và Quyết định số 1058/QĐ-BXD ngày 31/12/2013 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số với mã số doanh nghiệp 0100106391 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11/4/2014, thay đổi lần thứ tư (04) ngày 27/8/2014.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106391 ngày 11/4/2014 là 310.000.000.000 đồng (Ba trăm mười tỷ đồng chẵn).

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: CKDA

Trụ sở chính của Công ty tại Tổ 8, trị Trần Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

Số lao động bình quân trong năm 2015: 940 người

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Ngành nghề kinh doanh chính: Đúc sắt, thép; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, và chứng khoán); Kinh doanh bất động sản; Nấu và tôi luyện thép, các sản phẩm đúc; Xuất nhập khẩu hóa chất công nghiệp tinh khiết và hóa chất thí nghiệm (trừ hóa chất Nhà nước cấm); Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, sản phẩm đúc, cơ khí và luyện kim; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Sản xuất các sản phẩm nhôm hợp kim định hình; Thiết kế và thi công các cấu kiện và sản phẩm nhôm; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Kinh doanh các sản phẩm nhôm hợp kim định hình; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu; Triển khai các dịch vụ thông tin khoa học công nghệ; Thiết kế và chế tạo các sản phẩm: phụ tùng máy xây dựng thiết bị trong ngành xây dựng; Thiết kế máy xây dựng; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký); Chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận phù hợp chất lượng công trình xây dựng; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Chế tạo, lắp ráp máy xây dựng; sản xuất, lắp ráp các thiết bị chịu áp lực; Chế tạo, lắp ráp giàn khung không gian; Sản xuất phụ tùng, phụ kiện, thiết bị máy cho ngành xây dựng; Kinh doanh xăng, dầu mỡ các loại; Đại lý, môi giới, đấu giá; Đại lý xăng, dầu mỡ các loại; Đại lý các sản phẩm đúc, luyện kim, cơ khí, phụ tùng, thiết bị và vật liệu bôi trơn theo nhu cầu thị trường; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất, gia công, lắp đặt các thiết bị và kết cấu kim loại; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Sửa chữa, đại tu ô tô, máy kéo;
- Hoạt động chính của Công ty trong năm 2015: Nấu và tôi luyện thép các sản phẩm đúc; sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhôm hợp kim định hình; Thiết kế, chế tạo, lắp ráp giàn khung không gian (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Kinh doanh, đại lý xăng, dầu mỡ các loại; Sản xuất gia công, lắp đặt các thiết bị và kết cấu kim loại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2015, Công ty liên doanh và đơn vị trực thuộc như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty liên doanh			
- Công ty TNHH KCN Thăng Long	Cho thuê KCN	42%	42%
Đơn vị trực thuộc			
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI - Nhà máy Nhôm Đông Anh	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhôm hợp kim định hình; Thiết kế, chế tạo, lắp ráp giàn khung		
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI - Nhà máy kết cấu thép và xây lắp CKDA chấm dứt hoạt động và giải thể kể từ ngày 31/5/2015	Thi công lắp ráp giàn không gian		
- Trung tâm nghiên cứu phát triển và Cơ khí Xây dựng			

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1/1/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính tổng hợp cùng kỳ năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính), do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toánĐối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả kinh doanh tổng hợp.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của các Ngân hàng thương mại Công ty giao dịch tại ngày 31/12/2015
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại Công ty giao dịch tại ngày 31/12/2015

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua vào	Tỷ giá bán ra
31/12/2015	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	22.430	22.500
31/12/2015	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	22.450	22.540
31/12/2015	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm	22.420	22.430
31/12/2015	Ngân hàng TNHH MTV ANZ	22.547	22.447
31/12/2015	Ngân hàng TNHH MTV HSBC	22.430	22.530

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Tiền đang chuyển

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. Đối với giá thành sản phẩm Nhôm tính theo phương pháp phân bước sản phẩm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toánTài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Năm 2015</u>
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	03 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 05
Tài sản khác	03 - 08

Nguyên tắc kế toán thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Công ty ghi nhận giá trị tài sản cho thuê tài chính là khoản phải thu bằng giá trị đầu tư thuần trong hợp đồng thuê tài chính. Doanh thu từ thuê tài chính được phân bổ vào các kỳ kế toán nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên tổng số dư đầu tư thuần cho thuê tài chính. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng Cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí lãi vay được sử dụng vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ: 789.799.217 đồng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí tiền ăn ca độc hại;
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành
-

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Đối với doanh nghiệp sản xuất và thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp : ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

-Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 22% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	114.430.900	1.341.337.700
Tiền gửi ngân hàng	68.338.771.574	51.689.347.884
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	10.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	10.000.000.000	10.000.000.000
Tổng	78.453.202.474	63.030.685.584



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐỒNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.2 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
- Văn phòng Công ty	145.406.480.944	110.663.038.199
Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Hoàng Thạch	15.170.999.680	9.594.964.216
CN Cty CP XM Hà Tiên 1-NM XM Kiên Lương	6.389.198.036	14.704.326.204
Công ty CP Thuỷ điện Bắc Hà	21.469.686.846	22.469.686.846
Công ty CP Xi măng Đồng Lâm	9.987.693.606	10.487.693.606
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	13.745.127.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Xuân Thành	11.171.910.000	-
Tổng Công ty Xây dựng và phát triển Hạ tầng (nay là Tổng Công ty LICOGI - CTCP)	19.076.896.697	1.910.063.000
Các đối tượng khác	48.394.969.079	51.496.304.327
Nhà máy Nhôm	32.137.680.854	27.294.184.706
- Phải thu khách hàng Công trình		
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Nam Hà Nội	-	3.050.830.676
Tổng Công ty xây dựng & phát triển hạ tầng - Công ty TNHH MTV	4.395.188.981	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát	3.162.271.914	
Công ty Cổ phần Xây dựng Hùng Thắng	4.650.552.615	166.493.783
Công ty TNHH Đầu tư phát triển sản xuất Hạ Long	780.634.168	3.585.602.303
Công ty Cổ phần Tập đoàn Austdoor	2.341.831.016	2.388.929.706
Phải thu các khách hàng khác	9.122.961.210	9.869.060.960
Phải thu khách hàng mua (NMN)	680.150.587	2.419.691.898
Phải thu Khách hàng mua (KD1)	4.084.940.879	3.490.027.940
Phải thu Khách hàng mua (KD2)	1.499.739.271	1.503.444.161
Khách hàng mua cửa hàng GTSP	655.136.183	749.543.660
Phải thu Khách hàng mua (KD3)	656.075.012	70.559.619
Phải thu Khách hàng mua Dự án	108.199.018	-
Nhà máy kết cấu	-	1.579.360.191
Các khoản các đối tượng khác		1.579.360.191
Phải thu khách hàng dài hạn	16.373.670.374	-
- Văn phòng Công ty	16.027.082.470	-
- Nhà máy Nhôm	346.587.904	-
Tổng	193.917.832.172	139.536.583.096

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.3 Phải thu ngắn hạn khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	66.681.071.539	-	54.566.837.744	-
- Phải thu Lợi nhuận được chia Công ty TNHH KCN Thăng Long	61.214.913.900	-	45.447.449.604	-
- Ký cược, ký quỹ	1.221.307.140	-	4.829.058.610	-
- Tạm ứng	897.827.985	-	1.432.953.095	-
- Phải thu khác	3.347.022.514	-	2.857.376.435	-
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	66.681.071.539	-	54.566.837.744	-

5.4 Nợ xấu

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	16.373.670.374	1.969.042.509	-	-

Trong đó công nợ trích lập dự phòng là

	Dưới 2 năm	Từ 2 đến 3 năm	Trên 3 năm
Ban quản lý Dự án Xây dựng cơ bản			270.463.996
Thế dục thể thao Phú Thọ			3.346.494.000
Công ty Cổ phần Cosevco 9			3.286.000.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Ngô Quyền			1.953.374.400
Công ty TNHH Hệ thống Công nghiệp Việt Á			511.376.636
Công ty Cổ phần Bạch Đằng			3.854.751.000
Ban quản lý dự án Xây dựng Thành phố Đà Nẵng			939.556.300
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 128			242.611.533
Công ty Cổ phần Taxi Móng Cái			-
Tổng			14.162.016.332

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
Nguyên liệu, vật liệu	60.227.077.390	1.028.169.956	55.079.384.155	-
Công cụ, dụng cụ	6.096.227.894	-	5.323.878.432	-
Chi phí SX KDDD	112.813.989.350	-	116.135.752.820	-
Thành phẩm	27.453.254.612	-	29.074.511.048	-
Hàng gửi bán	2.586.624.204	-	2.119.727.533	-
Tổng	209.177.173.450	1.028.169.956	207.733.253.988	-

5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	15.900.374.710	14.797.532.106
Chi phí Khuôn đúc ép các loại	15.366.501.305	13.700.344.506
Công cụ dụng cụ phân bổ	466.876.525	921.392.704
Chi phí sửa chữa	31.750.000	143.886.771
Chi phí Bảo hiểm xe ô tô	35.246.880	31.908.125
Dài hạn	7.393.243.412	4.587.708.457
Lợi thế kinh doanh	1.084.340.108	1.627.994.133
Công cụ dụng cụ phân bổ	2.443.829.657	1.747.372.207
Dầu Total Azolla ZS 68	187.807.064	438.216.480
Chi phí sửa chữa	3.677.266.583	740.208.970
Chi phí lập dự án xả thải		33.916.667
Tổng	23.293.618.122	19.385.240.563

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2015	82.203.818.818	189.990.643.854	14.886.443.107	716.872.455	909.907.299	288.707.685.533
Tăng trong năm	8.088.103.176	20.847.846.914	1.269.355.364	-	285.000.000	30.490.305.454
Mua trong năm	-	2.790.937.540	1.269.355.364	-	285.000.000	4.345.292.904
XDCB hoàn thành	8.088.103.176	18.056.909.374	-	-	-	26.145.012.550
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Điều chuyển nội bộ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	90.291.921.994	210.838.490.768	16.155.798.471	716.872.455	1.194.907.299	319.197.990.987
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2015	43.339.407.458	157.476.427.767	10.041.206.685	451.680.854	756.073.139	212.064.795.903
Tăng trong năm	4.751.478.150	15.130.524.662	1.904.555.956	116.030.220	96.944.146	21.999.533.134
Khấu hao trong năm	4.751.478.150	15.130.524.662	1.904.555.956	116.030.220	96.944.146	21.999.533.134
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	48.090.885.608	172.606.952.429	11.945.762.641	567.711.074	853.017.285	234.064.329.037
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2015	38.864.411.360	32.514.216.087	4.845.236.422	265.191.601	153.834.160	76.642.889.630
Tại 31/12/2015	42.201.036.386	38.231.538.339	4.210.035.830	149.161.381	341.890.014	85.133.661.950

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố các khoản vay:

37.081.418.665

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

63.532.357.827

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2015	-	-
Tăng trong năm	2.646.908.909	2.646.908.909
Mua trong năm	2.646.908.909	2.646.908.909
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/2/2015	<u>2.646.908.909</u>	<u>2.646.908.909</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2015	-	-
Tăng trong năm	330.863.616	330.863.616
Khấu hao trong năm	330.863.616	330.863.616
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2015	<u>330.863.616</u>	<u>330.863.616</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2015	-	-
Tại 31/12/2015	<u>2.316.045.293</u>	<u>2.316.045.293</u>

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Dây chuyền cán Bi rèn công suất 12000 tấn F30, F50	-	17.773.642.720
Xe Ô tô BMW 5 chỗ (BKS: 484.26)	-	2.552.650.000
Máy phay CNC 5 trục & Máy tiện CNC LA-250, Máy búa hơi	1.748.763.636	-
Đầu tư máy ép bùn khung bản	-	168.869.900
Tổng	<u>1.748.763.636</u>	<u>20.495.162.620</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.10 Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Đơn vị tính: VND

Tỷ lệ	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Vốn				
Quyết				
năm giữ biểu quyết				
42%	159.253.337.143	159.253.337.143	159.253.337.143	159.253.337.143
42%	159.253.337.143	159.253.337.143	159.253.337.143	159.253.337.143
Tổng	159.253.337.143	159.253.337.143	159.253.337.143	159.253.337.143

Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết

Công ty TNHH KCN Thăng Long



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	69.734.855.752	69.734.855.752	48.000.041.803	48.000.041.803
- <i>Văn phòng Công ty</i>	-	-	-	-
Công ty Lắp máy điện nước (Licogi)	5.194.626.896	5.194.626.896	5.894.626.896	5.894.626.896
Công ty TNHH MTV 27	7.527.749.020	7.527.749.020	-	-
Cty CP Đầu tư xây lắp & VLXD Đông anh(Licogi)	3.695.187.672	3.695.187.672	-	-
DNTN - Xí nghiệp TM DV Hương Quang	1.107.295.200	1.107.295.200	1.346.593.600	1.346.593.600
Cửa hàng KD PL kim loại Văn Sơn	1.894.980.000	1.894.980.000	3.401.702.000	3.401.702.000
Công ty TNHH MTV Sơn bột Đông Tai Việt Nam	-	-	4.703.371.200	4.703.371.200
Các đối tượng phải trả khác	29.795.608.388	29.795.608.388	21.464.428.913	21.464.428.913
<i>Nhà máy Nhôm</i>				
Công ty TNHH MTV Sơn Bột Đông Tai Việt Nam	4.093.635.766	4.093.635.766	1.611.446.375	1.611.446.375
Phải trả các nhà cung cấp khác	16.425.772.810	16.425.772.810	9.577.872.819	9.577.872.819
Tổng	69.734.855.752	69.734.855.752	48.000.041.803	48.000.041.803

5.12 Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2015
	Phải nộp	4.176.201.042	109.643.221.992	114.609.021.011
Thuế giá trị gia tăng	1.132.386.787	104.315.402.499	101.500.351.712	3.947.437.574
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(359.801.035)	840.354.408	3.502.817.500	(3.022.264.127)
Thuế thu nhập cá nhân	83.306.000	825.481.000	793.326.500	115.460.500
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.320.309.290	3.542.984.697	8.806.525.299	(1.943.231.312)
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	112.999.388	-	112.999.388
Phải thu	331.111.469	3.061.753.522	2.730.642.053	-
Thuế XNK	331.111.469	3.061.753.522	2.730.642.053	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	1.398.216.158	177.619.940
Trích trước chi phí chế tạo cấu kiện GKG AEON Gia Lâm	-	145.247.940
Trích trước tiền ăn ca, độc hại (NMN)	212.662.000	32.372.000
Trích trước Chi phí Công trình (NMN)	1.185.554.158	-
Tổng	1.398.216.158	177.619.940

5.14 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	42.931.808.129	32.776.402.414
Kinh phí công đoàn	27.878.000	68.551.000
Bảo hiểm xã hội	400.000.000	600.000.000
Phải trả về cổ phần hóa	752.688.336	2.524.481.089
Cổ tức phải trả	41.400.000.000	27.900.000.000
Phải trả, phải nộp khác	351.241.793	1.683.370.325
Dài hạn	-	-
Tổng	42.931.808.129	32.776.402.414

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐỒNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

	Trong năm				Số có khả năng trả nợ
	31/12/2015	Tăng	Giảm	Giá trị	
a. Vay					01/01/2015
Vay ngắn hạn					
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đồng Anh	276.956.496.459	752.762.806.577	747.480.320.868	271.674.010.750	271.674.010.750
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Anh Hà Nội	71.295.448.412	227.660.052.444	221.570.775.607	65.206.171.575	65.206.171.575
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Chương Dương	8.002.943.590	8.002.943.590	5.677.339.498	5.677.339.498	5.677.339.498
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Gia Lâm	68.985.944.274	233.506.517.338	249.324.415.418	84.803.842.354	84.803.842.354
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Long Biên - PGD Đồng Anh	41.815.795.723	108.221.596.755	101.567.264.507	35.161.463.475	35.161.463.475
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC	50.801.489.973	73.702.534.079	42.796.132.754	19.895.088.648	19.895.088.648
- Ngân hàng TNHH MTV ANZ	36.054.874.487	101.669.162.371	112.270.394.061	46.656.106.177	46.656.106.177
Vay dài hạn					
- Từ 12 tháng - 60 tháng	15.809.490.426	3.762.759.840	14.814.874.233	26.861.604.819	26.861.604.819
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Gia Lâm	396.157.090	-	264.104.728	660.261.818	660.261.818
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Chương Dương	14.520.000.000	3.762.759.840	2.486.488.803	13.243.728.963	13.243.728.963
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đồng Anh	893.333.336	-	893.333.332	1.786.666.668	1.786.666.668
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đồng Anh	-	-	3.178.947.370	3.178.947.370	3.178.947.370
Vay các cá nhân	-	-	7.992.000.000	7.992.000.000	7.992.000.000
Tổng	292.765.986.885	756.525.566.417	762.295.195.101	298.535.615.569	298.535.615.569

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Vay và Nợ thuế tài chính (Tiếp theo)**b. Nợ thuế tài chính**

Thời hạn	Năm 2015		Kỳ hoạt động từ ngày 11/4/2014 đến ngày 31/12/2014	
	Tổng khoản tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế
Trên 1 năm đến 5 năm				
<i>Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính</i> <i>- Ngân hàng TMCP Ngoại thương</i> <i>Việt Nam</i>	2.878.968.000	243.984.227	959.656.000	-

Trên 1 năm đến 5 năm

Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương
Việt Nam

- Hợp đồng tín dụng số 01/12/TD/H/VCB,CD-CKĐA ngày 18/12/2013 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương và Công ty
- Số tiền vay: 21.500.000.000 VND; Mục đích sử dụng: "Đầu tư phân xưởng sản xuất bi rên công suất 12.000 tấn/năm"; Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên; Lãi suất cho vay: sẽ được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Biện pháp đảm bảo tiền vay: Bên vay thế chấp tài sản hình thành trong tương lai của dự án "Đầu tư phân xưởng sản xuất bi rên công suất 12.000 tấn/năm"
- Hợp đồng tín dụng số 05/2013-HĐTDDA/NHCT144-XLDA ký tháng 12/2013 giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh và Công ty; Mục đích sử dụng: Đầu tư 01 máy tiện đứng; Số tiền vay: 2.680.000.000 VND; Thời hạn cho vay: 36 tháng kể từ Ngày Giải Ngân Đầu Tiên; Lãi suất cho vay: Là lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 12%/năm. Biện pháp đảm bảo: Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 22-2013/HĐTC/NHCT144-CKĐA ngày 20/11/2013.
- Hợp đồng tín dụng số 3120-LAV ngày 01/08/2014 giữa Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Gia Lâm và Công ty; Hạn mức dư nợ: 54.000.000.000 VND; Hình thức đảm bảo: Theo HĐ thế chấp Số 012011/HĐTC ngày 12/07/2011, phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/PLHĐ. Đến tháng 2 năm 2015; Công ty đã trả hết nợ.
- Hợp đồng tín dụng hạn mức Số: 181.14.031.588099.TD ngày 11/08/2014. Ngày 19/10/2015 đã ký hợp đồng tin dụng hạn mức mới số 35.289.15.031.588099.TD thay thế hợp đồng tín dụng hạn mức cũ (HĐ số 181.14.031.588099.TD ngày 11/08/2014) giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Long Biên và Công ty CP CKĐA; Hạn mức tín dụng với tổng số tiền cam kết tối đa tại mọi thời điểm là 70.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Vay và Nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng số 08/2015-HDTHM/NHCT144-CKDA tháng 06/2015 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh và Công ty Hạn mức cho vay: 90.000.000.000 đồng; Mục đích sử dụng: Biện pháp đảm bảo: theo HD thể chấp quyền phải thu số 11/2015/HDTCCPT/NHCT144-CKDA ký ngày 10/06/2015.
- Hợp đồng tín dụng theo hạn mức Số 01/15/HM/VND/VCB.CD-CKDA ngày 03/06/2015 và phụ lục số 01, 02 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Chương Dương và Công ty; Hạn mức cho vay: 120.000.000.000 VND;
- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng Số 02/15/HM/LC/VCB.CD-CKDA ngày 03/06/2015 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh và Công ty; Hạn mức tín dụng: 3.000.000 USD;
- Thỏa thuận chung về tiện ích số VNM 150789 giữa Công ty với Ngân hàng TNHH MTV HSBC(Việt Nam) – Chi nhánh Hà Nội; Hạn mức tín dụng: 3.500.000 USD;
- Bán sửa đổi thứ năm thư đề nghị cung cấp tiện ích ngày 09/06/2015 giữa Công ty CP Cơ khí Đông Anh LICOGI và Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam. Hạn mức tín dụng 2.000.000 USD. Hiện nay, Công ty không sử dụng hạn mức tín dụng.
- Hợp đồng thuê tài chính Số: 123.14.05/CTTC ngày 26/12/2014 giữa Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Công ty CP Cơ khí Đông Anh; Về việc thuê : 01 xe ô tô BMW 528i giá trị: 2.552.650.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐỒNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 11/4/2014						
Tăng do chuyển số dư từ Công ty Nhà nước	310.000.000.000	-	-	-	-	310.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	42.008.685.404	42.008.685.404
Trích lập các quỹ	-	-	6.296.152.414	839.486.989	(14.074.341.811)	(6.938.702.408)
Chia trả cổ tức	-	-	-	-	(27.900.000.000)	(27.900.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(34.343.593)	(34.343.593)
Số dư tại 31/12/2014	310.000.000.000	-	6.296.152.414	839.486.989	-	317.135.639.403
Số dư tại 01/01/2015	310.000.000.000	-	6.296.152.414	839.486.989	-	317.135.639.403
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	63.280.117.549	63.280.117.549
Trích lập các quỹ	-	-	9.368.568.131	-	(19.795.889.977)	(10.427.321.846)
Chia trả cổ tức	-	-	-	-	(43.400.000.000)	(43.400.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(84.227.572)	(84.227.572)
Số dư tại 31/12/2015	310.000.000.000	-	15.664.720.545	839.486.989	-	326.504.207.534

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	276.097.000.000	276.097.000.000
Các cổ đông khác	33.903.000.000	33.903.000.000
Tổng	310.000.000.000	310.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Kỳ hoạt động từ 11/4/2014 đến 31/12/2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	310.000.000.000	-
Vốn góp tăng trong năm	-	310.000.000.000
Vốn góp tại cuối năm	310.000.000.000	310.000.000.000
Cổ tức	43.400.000.000	27.900.000.000
Phân phối quỹ	19.795.889.977	14.074.341.811

d. Cổ tức

	Đồng/cổ phiếu
Cổ tức công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	1.400
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	

e. Cổ phiếu

	31/12/2015 Cổ phiếu	01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.000.000	31.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	31.000.000	31.000.000
Cổ phiếu phổ thông	31.000.000	31.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.000.000	31.000.000
Cổ phiếu phổ thông	31.000.000	31.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015 VND	Kỳ hoạt động từ 11/4/2014 đến 31/12/2014 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.070.770.330.286	753.985.369.514
Doanh thu cung cấp dịch vụ	287.727.276	-
Tổng	<u>1.071.058.057.562</u>	<u>753.985.369.514</u>

5.18 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2015 VND	Kỳ hoạt động từ 11/4/2014 đến 31/12/2014 VND
Chiết khấu thương mại	-	190.919.720
Hàng bán bị trả lại	822.329.058	960.857.486
Tổng	<u>822.329.058</u>	<u>1.151.777.206</u>

5.19 Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015 VND	Kỳ hoạt động từ 11/4/2014 đến 31/12/2014 VND
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	965.262.925.895	687.979.978.449
Giá vốn cung cấp dịch vụ	210.040.911	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.028.169.956	-
Tổng	<u>966.501.136.762</u>	<u>687.979.978.449</u>

5.20 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015 VND	Kỳ hoạt động từ 11/4/2014 đến 31/12/2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.208.484.795	2.395.097.341
Lợi nhuận được chia	61.214.913.900	35.464.403.218
Lãi chênh lệch tỷ giá	68.533.120	19.714.690
Tổng	<u>62.491.931.815</u>	<u>37.879.215.249</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.21 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2015 VND	Kỳ hoạt động từ 11/4/2014 đến 31/12/2014 VND
Chi phí lãi vay	15.382.869.090	13.387.682.204
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.608.645.609	390.852.287
Chi phí lãi đi thuê tài chính	243.984.227	-
Tổng	20.235.498.926	13.778.534.491

5.22 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015 VND	Kỳ hoạt động từ 11/4/2014 đến 31/12/2014 VND
Chi phí bán hàng	22.652.505.316	11.109.156.144
Chi phí nhân viên	8.863.590.883	4.117.527.681
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	1.431.779.045	1.073.214.042
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	52.409.257	34.231.670
Chi phí khấu hao TSCĐ	362.414.060	163.480.270
Chi phí bảo hành	1.330.466.864	35.979.331
Chi phí dịch vụ mua ngoài, Chi phí vận chuyển	5.201.763.922	1.758.764.620
Chi phí bằng tiền khác	5.410.081.285	3.925.958.530
Chi phí quản lý	59.309.164.932	33.963.007.074
Chi phí nhân viên quản lý	23.802.292.415	19.020.879.034
Chi phí vật liệu quản lý	2.479.138.000	2.203.608.414
Chi phí đồ dùng văn phòng	423.462.550	345.425.276
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.336.369.267	1.454.557.485
Thuế phí và lệ phí	3.808.697.520	2.507.865.447
Chi phí dự phòng	14.404.627.865	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	522.521.359	157.513.900
Chi phí bằng tiền khác	11.532.055.956	8.273.157.518
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Tổng	81.961.670.248	45.072.163.218

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.23 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2015 VND	Kỳ hoạt động từ 11/4/2014 đến 31/12/2014 VND
Thu nhập khác		
Lãi quá hạn khách hàng chậm thanh toán	476.671.628	-
Thu nhập khác	136.363.636	25.770.835
Tổng	613.035.264	25.770.835
Chi phí khác		
Phạt chậm nộp thuế	371.917.690	
Chi phí khác	150.000.000	13.732.200
Tổng	521.917.690	13.732.200
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	91.117.574	12.038.635

5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015 VND	Kỳ hoạt động từ 11/4/2014 đến 31/12/2014 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	840.354.408	1.885.484.630
Tổng	840.354.408	1.885.484.630

5.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015 VND	Kỳ hoạt động từ 11/4/2014 đến 31/12/2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	632.225.599.189	492.605.863.436
Chi phí nhân công, Bảo hiểm xã hội và KPCĐ	88.561.022.816	58.644.252.002
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.330.396.750	20.360.059.858
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.251.690.815	26.380.446.441
Chi phí khác bằng tiền	24.901.607.566	24.703.814.846
Chi phí dự phòng	14.404.627.865	-
Tổng	818.674.945.001	622.694.436.583

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.26 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015	Kỳ hoạt động từ 11/4/2014 đến 31/12/2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	63.280.117.549	42.008.685.404
Các khoản điều chỉnh		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	10.427.321.846	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	52.852.795.703	42.008.685.404
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	31.000.000	31.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.705	1.355

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông

	Năm 2015 VND	Kỳ hoạt động từ 11/4/2014 đến 31/12/2014 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Lương và thù lao	3.187.393.000	1.643.985.000
Tổng	3.187.393.000	1.643.985.000

Giao dịch các bên liên quan khác

<u>Các khoản phải thu</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>31/12/2015 VND</u>	<u>01/01/2015 VND</u>
Phải thu khác			
Công ty TNHH KCN Thăng Long	Lợi nhuận liên doanh tạm tính 2015	61.214.913.900	45.447.449.604
Các khoản phải trả			
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng (Licogi) (nay đổi tên là Tổng Công ty LICOGI-CTCP)	Tiền lợi nhuận liên doanh KCN Quý I/2014 theo NQ 65/NQ/HĐTV-TCT ngày 22/12/2014	-	8.485.589.386

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2 Báo cáo bộ phận

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nấu, tôi luyện thép các sản phẩm đúc, sản xuất kinh doanh sản phẩm nhôm hợp kim định hình; chế tạo, lắp ráp giàn khung không gian và tiêu thụ sản phẩm trên khắp lãnh thổ Việt Nam, nên chúng tôi không lập báo cáo bộ phận theo hoạt động sản xuất kinh doanh và theo khu vực địa lý.

6.3 Thông tin so sánh

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên số dư cuối kỳ năm 2014.

Do Công ty chuyển sang hoạt động mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 11/4/2014. Do vậy, Báo cáo tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 có số liệu so sánh là số kỳ hoạt động đầu tiên từ 11/4/2014 đến ngày 31/12/2014.

Người lập

Nguyễn Thanh Phúc

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lệ

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Mạnh Hà